**Đề kiểm tra lớp 58 CNTT-1**

**Công nghệ XML và Ứng dụng**

**Đề 1:**

Một khách sạn cần quản lý khách hàng đặt phòng. Cơ sở dữ liệu gồm các bảng sau:

**Phong**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên Field** | **Ghi chú** | **Ví dụ 1** | **Ví dụ 2** |
| **MaPhong** | Mã phòng | 101 | 301 |
| Tang | Tầng | 1 | 3 |
| GiaNiemYet | Giá phòng niêm yết/ngày | 200.000 | 300.000 |

**KhachHang**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên Field** | **Ghi chú** | **Ví dụ 1** | **Ví dụ 2** |
| **MaKH** | Mã khách hàng | K001 | K002 |
| HoKH | Họ khách hàng | Lê Vĩnh | Lê Ngọc |
| TenKH | Tên khách hàng | An | Trân |
| DiaChi | Địa chỉ | 8 Trịnh Phong, Nha Trang | 9 Mê Linh, Nha Trang |
| SoDienThoai | Số điện thoại | 0912.002003 | 0963.963963 |

**PhieuDatPhong**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên Field** | **Ghi chú** | **Ví dụ 1** | **Ví dụ 2** |
| **MaPhieu** | Mã phiếu đặt phòng | P0001 | P0002 |
| MaKH | Mã khách hàng (Lookup) | K001 | K002 |
| NgayDatPhong | Ngày đặt phòng | 15/04/2012 | 17/03/2012 |

**ChiTietPhieu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên Field** | **Ghi chú** | **Ví dụ 1** | **Ví dụ 2** |
| **MaPhieu** | Mã phiếu đặt phòng (Lookup) | P0001 | P0001 |
| **MaPhong** | Mã phòng (Lookup) | 101 | 301 |
| NgayDen | Từ ngày | 18/04/2012 | 19/04/2012 |
| NgayDi | Đến ngày (NgayDi >= NgayDen) | 22/04/2012 | 19/04/2012 |
| DonGia | Đơn giá thuê phòng | 180.000 | 300.000 |

**Câu 1: (3 điểm)** Tạo tài liệu XML Schema (QLKS.xsd), mô tả cấu trúc của dữ liệu XML về quản lý khách sạn như trên. Tạo file QLKS.XML từ file XSD, mỗi phần tử ít nhất 5 giá trị.

**Câu 2: (3 điểm) :** Viết câu lệnh Xpath và Xquery tương ứng cho các yêu cầu sau :

1. Liệt kê các lần đặt phòng của khách hàng tên “Nam” trong năm 2012. Gồm mã khách hàng, họ và tên, ngày sinh, ngày đặt phòng.
2. Liệt kê các phòng có người ở trong ngày 21/02/2012. Gồm mã phòng, tên khách hàng.
3. Tính thành tiền cho các phiếu đặt phòng trong ngày 21/02/2012. Chú ý nếu khách đến và đi trong ngày (NgayDen = NgayDi) thì cũng tính là 1 ngày. Gồm các thông tin: Mã phiếu, mã KH, họ tên KH, ngày đặt phòng, thành tiền.

**Câu 3: (4 điểm)** Tạo XSLT (QLKS.xsl) hiển thị thông tin của chi tiết phiếu đặt phòng của từng khách hàng dưới dạng bảng HTML (Có tiêu đề của trang HTML, cỡ chữ H1, màu đỏ, Họ và tên của SV viết chương trình màu xanh, cỡ H3, canh giữa, bên dưới là bảng dữ liệu). Thông tin dưới dạng bảng gồm các cột như sau : Ứng với mỗi khách hàng là thông tin một bảng dữ liệu gồm : Mã phiếu, Mã phòng, Ngày đến, Ngày đi, đơn giá, tiền trả.

**Đề kiểm tra lớp 58 CNTT-1**

**Công nghệ XML và Ứng dụng**

**Đề 2:**

Ban tổ chức Giải Bơi lội Toàn quốc 2012 cần quản lý các huy chương được trao giải. Cơ sở dữ liệu gồm các bảng sau:

**DoiTuyen**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên Field** | **Ghi chú** | **Ví dụ 1** | **Ví dụ 2** |
| **MaDoiTuyen** | Mã đội tuyển | D01 | D02 |
| TenDoiTuyen | Tên đội tuyển | Khánh Hòa | Ninh Thuận |

**VanDongVien**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên Field** | **Ghi chú** | **Ví dụ 1** | **Ví dụ 2** |
| **MaVDV** | Mã vận động viên | K001 | K002 |
| HoVDV | Họ vận động viên | Nguyễn Thanh | Võ Ngọc |
| TenVDV | Tên vận động viên | Sang | Trầm |
| GioiTinh | Giới tính | Nam | Nữ |
| MaDoiTuyen | Mã đội tuyển (Lookup) | D01 | D02 |

**NoiDungThi**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên Field** | **Ghi chú** | **Ví dụ 1** | **Ví dụ 2** |
| **MaNoiDung** | Mã nội dung thi | BTD100 | BN200 |
| TenNoiDung | Tên nội dung thi | Bơi tự do 100m | Bơi ngửa 200m |
| KyLucQGCu | Kỷ lục quốc gia cũ, tính bằng giây | 44 | 80 |

**GiaiThuong**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên Field** | **Ghi chú** | **Ví dụ 1** | **Ví dụ 2** |
| **MaVDV** | Mã vận động viên (Lookup) | K001 | K002 |
| **MaNoiDung** | Mã nội dung thi (Lookup) | BTD100 | BN200 |
| ThanhTich | Thành tích đạt được, tính bằng giây. | 49 | 78 |
| MaHuyChuong | Mã huy chương (Lookup) | B | V |

**HuyChuong**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên Field** | **Ghi chú** | **Ví dụ 1** | **Ví dụ 2** |
| **MaHuyChuong** | Mã huy chương | V | B |
| TenHuyChuong | Tên huy chương | Vàng | Bạc |
| TienThuong | Tiền thưởng | 5.000.000 | 4.000.000 |

**Câu 1: (3 điểm)** Tạo tài liệu XML Schema (QLGBL.xsd), mô tả cấu trúc của dữ liệu XML về quản lý giải bơi lội như trên. Tạo file QLGBL.xml từ file XSD, mỗi phần tử ít nhất 5 giá trị.

**Câu 2: (3 điểm) :** Viết câu lệnh Xpath và Xquery tương ứng cho các yêu cầu sau :

1. Liệt kê các huy chương đạt được của Đội tuyển có tên đội tuyển nhập từ bàn phím. Gồm mã đội, tên đội, họ tên vận động viên, tên nội dung thi, tên huy chương.
2. Cho biết tên vận động viên đạt nhiều huy chương vàng nhất. Gồm các thông tin: mã VĐV, Họ tên VĐV, tên đội tuyển, số lượng huy chương vàng.
3. Cho biết tiền thưởng của từng vận động viên trong đội ‘Khánh Hòa’. Gồm các thông tin: mã VĐV, Họ tên VĐV, tiền thưởng.

**Câu 3: (4 điểm)** Tạo XSLT (QLGBL.xsl) hiển thị thông tin của chi tiết huy chương và tiền thưởng của vận động viên dưới dạng bảng HTML (Có tiêu đề của trang HTML, cỡ chữ H1, màu đỏ, Họ và tên của SV viết chương trình màu xanh, cỡ H3, canh giữa, bên dưới là bảng dữ liệu). Thông tin dưới dạng bảng gồm các cột như sau : Ứng với mỗi vận động viên là thông tin một bảng dữ liệu gồm : Thông tin của huy chương và giải thưởng.